TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T
TỈNH B G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25-11-2019

V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T - TỈNH B G

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo.

Các hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Văn Chiến;

2.Bà Nguyễn Thị Cương.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Kim Oanh, cán bộ Toà án nhân dân huyện Y T, tỉnh B G.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T tham gia phiên toà**: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 25- 11- 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y T, tỉnh B G xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thụ lý số 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974 (vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã H V, huyện Y T, tỉnh B G.

Địa chỉ cư trú: Thôn Q D, xã P H, huyện T Y, tỉnh B G.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm: 1973 (vắng mặt đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã H V, huyện Y T, tỉnh B G; hiện tại anh C đang chấp hành hình phạt tù tại P T số 3 Trại giam H T, thị xã C L, tỉnh H D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 6 năm 2019, bản tự khai ngày 25 tháng 7 năm 2019, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức C tổ chức lễ cưới năm 1995, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H V, huyện Y T, tỉnh B G, trong thời gian chung sống anh chị thường sảy ra cãi cọ, anh C đánh đạp chị, cuộc sống không hạnh phúc, năm 2014 chị đã về nhà mẹ đẻ ở, chị và anh C đã ly thâm từ năm 2014. Do anh C phạm tội hiếp dâm trẻ em phải chấp hành hình phạt tù, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Đức C là vợ chồng.

Con chung: Chị H và anh C có hai con chung: Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1998. Các con chung đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung và các khoản nợ chung trong thời gian chung sống: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 11 năm 2017, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Đức C trình bày: Anh và chị H cưới nhau năm 1995, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H V, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do anh anh uống rượu, đánh chị H, chị H đã đưa hai con về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị đã ly thân, không còn tình cảm. Chị H yêu cầu không công nhận anh và chị H là vợ chồng anh đồng ý. Do anh đang phải chấp hành hình phạt tù, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Con chung: Anh và chị H có hai con chung: Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1998. Các con chung đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung và các khoản nợ chung trong thời kỳ chung sống: Anh C không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H và anh C đều vắng mặt nhưng đã có đơn, ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, đề nghị HĐXX xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức C.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1995, anh C và chị H đều khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã H V nhưng chị H không cung cấp được tài liệu chứng minh chị có đăng ký kết hôn với anh C. Ủy ban nhân dân xã H V xác nhận trong sổ gốc theo dõi việc đăng ký kết hôn không có thông tin về việc chị H có đăng ký kết hôn với anh C, như vậy có căn cứ để xác định chị H và anh C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống đến năm 2013 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C uống rượu, đánh đập chị H, chị H đã về nahf mẹ đẻ ở, anh chị đã ly thân từ năm 2013. Anh C đang chấp hành hình phạt tù, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh C là vợ chồng, anh C đồng ý. Do chị H và anh C không đăng ký kết hôn nên không công nhận anh chị là vợ chồng là phù hợp với Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, các khoản nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức C.

Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2014/0004478 ngày 25 tháng 7 năm 2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Y T, tỉnh B G thu. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B G;
- VKSND huyện Y T;
- Chi cục THADS huyện Y T;
- UBND xã H V, huyện Y T;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VPTA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo